TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53***/2019/HNGĐ-ST*
Ngày: 04-9-2019
Về việc:"Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Dũng.
2. Bà Trần Thị Kim Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**:

Chị Lương Ng B, sinh năm: 1976 – có mặt.

Địa chỉ: Số A, ấp Th Đ, xã Th T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

* **Bị đơn**:

Anh Lê C Th, sinh năm: 1977 – vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, ấp Th Đ, xã Th T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện và qua lời trình bày trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa xét xử như sau:**

Về quan hệ hôn nhân:

Qua thời gian tìm hiểu nhau chị và anh Lê C Th được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh ngày 12-5-1999. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên

gia đình anh Th. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên tháng 4-2019 chị bỏ về nhà cha ruột sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Lê C Th.

Về con chung: Anh chị có 02 người con, tên Lê Thị K Ng, sinh năm 2000 và Lê Thị Ng H, sinh ngày 12-4-2007; hiện nay cháu Ngân đang sống với chị, cháu Hân sống với anh Thanh.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Lương Ng B xin ly hôn anh Lê C Th, về con chung cháu Ng đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu H mong muốn sống với anh Th nên chị đồng ý giao cháu Ng H cho anh Th nuôi, không cấp dưỡng.

*** Ý kiến của bị đơn anh Lê C Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

Anh trình bày về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị B trình bày là đúng. Nay chị B xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa xét xử hôm nay, anh Lê C Th có Đơn xin vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Ng B đối với anh Lê C Th.

Đối với cháu Lê Thị K Ng, sinh ngày 26-01-2000 đã thành niên, chị B, anh Th không yêu cầu giải quyết.

Giao con chung Lê Thị Ng H, sinh ngày 12-4-2007 cho anh Lê C Th trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh Lê C Th không yêu cầu chị Lương Ng B cấp dưỡng nuôi con. Chị Lương Ng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Trong quá trình giải quyết tại tòa án, anh Lê C Th có cung cấp chứng cứ, lời trình bày nhưng tại phiên tòa xét xử anh Thanh có Đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Lương Ng B, anh Lê C Th đã có mâu thuẫn, không còn thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh chị đã ly thân trong thời gian dài. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Bích nhất quyết xin ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Bên cạnh đó, đại diện Viện kiểm sát cũng đề xuất ý kiến giải quyết cho chị Lương Ng B ly hôn với anh Lê C Th nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Ng B với anh Lê C Th. Cho chị Lương Ng B được ly hôn với anh Lê C Th.

Về con chung:

[3] Do cháu Lê Thị Ng H, sinh ngày 12-4-2007 mong muốn được sống chung với anh Lê C Th, đại diện Viện kiểm sát đề xuất ý kiến giao con chung cho anh Th nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Thị Ng H, sinh ngày 12-4-2007 cho anh Lê C Th trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh Lê C Th không yêu cầu chị Lương Ng B cấp dưỡng nuôi con. Chị Lương Ng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lê Thị K Ng, sinh ngày 26-01-2000 đã thành niên, chị B, anh Th không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:

[4] Chị Lương Ng B, anh Lê C Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

[5] Chị Lương Ng B, anh Lê C Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

[6] Chị Lương Ng B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chấp nhận đơn của chị Lương Ng B xin ly hôn với anh Lê C Th.

Cho chị Lương Ng B ly hôn với anh L C Th.

2. *Về con chung:*

Đối với cháu Lê Thị K Ng, sinh ngày 26-01-2000 đã thành niên, chị Lương Ng B, anh Lê C Th không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Lê Thị Ng H, sinh ngày 12-4-2007 cho anh Lê C Th tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh Lê C Th không yêu cầu chị Lương Ng B cấp dưỡng nuôi con. Chị Lương Ng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị Lương Ng B, anh Lê C Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Chị Lương Ng B, anh Lê C Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Lương Ng B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007248 ngày 08-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Trọng Hiếu